

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2009

CÔNG THÔNG TIN BIÊN BẢN QUẢN LÝ
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 385.8
Ngày: 4 tháng 11 năm 09
Kính chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Tôn giáo Chính phủ trực thuộc Bộ Nội vụ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Tôn giáo Chính phủ là cơ quan trực thuộc Bộ Nội vụ, có chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực tôn giáo trong phạm vi cả nước và thực hiện các dịch vụ công thuộc lĩnh vực tôn giáo theo quy định của pháp luật.

2. Ban Tôn giáo Chính phủ là cơ quan tương đương Tổng cục, có tư cách pháp nhân, con dấu hình Quốc huy, tài khoản riêng theo quy định của pháp luật và trụ sở làm việc đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Ban Tôn giáo Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về tôn giáo và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ đề trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định:

a) Dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định của Chính phủ; dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tôn giáo;

b) Chiến lược, quy hoạch, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hành động, đề án, dự án quan trọng về tôn giáo.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định:

a) Dự thảo Thông tư và các văn bản khác về công tác tôn giáo;

b) Kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm về công tác tôn giáo.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án sau khi được ban hành hoặc phê duyệt.

4. Ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về công tác tôn giáo theo quy định của pháp luật.

5. Thông tin, tuyên truyền và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước; bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật; bảo đảm sự bình đẳng giữa các tôn giáo trước pháp luật; chống mọi hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện trái pháp luật và chính sách của Nhà nước.

6. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề cụ thể về tôn giáo theo quy định của pháp luật.

7. Thẩm định hồ sơ trình cấp có thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo theo quy định của pháp luật.

8. Phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức có liên quan khác:

a) Thông tin, tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo;

b) Tham gia quản lý các khu di tích văn hoá lịch sử, danh lam thắng cảnh liên quan đến tôn giáo.

9. Thống nhất quản lý về xuất bản các loại sách kinh, các ấn phẩm, giáo trình giảng dạy, văn hoá phẩm thuần túy tôn giáo của các tổ chức tôn giáo được Nhà nước cho phép hoạt động theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

10. Khen thưởng theo thẩm quyền và đề xuất với cấp có thẩm quyền khen thưởng và áp dụng chính sách đãi ngộ đối với các tổ chức tôn giáo, cá nhân tham gia hoạt động tôn giáo.

11. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực tôn giáo; hướng dẫn, giúp đỡ các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ, nhà tu hành thực hiện quan hệ đối ngoại theo quy định của pháp luật; làm đầu mối liên hệ với các tổ chức tôn giáo.

12. Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tôn giáo; tổng kết thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo.

13. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế hoạt động của các tổ chức dịch vụ công trong lĩnh vực tôn giáo theo quy định của pháp luật.

14. Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ công tác tôn giáo cho cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo thuộc các cơ quan Trung ương và địa phương.

15. Thực hiện công tác cải cách hành chính theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

16. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

17. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ban theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

18. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

19. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Nội vụ giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Công giáo.
2. Vụ Phật giáo.
3. Vụ Tin lành.
4. Vụ Cao đài.
5. Vụ các tôn giáo khác.

6. Vụ Hợp tác quốc tế.
7. Vụ Pháp chế - Thanh tra.
8. Vụ Tổ chức cán bộ.
9. Văn phòng.
10. Viện Nghiên cứu chính sách Tôn giáo.
11. Tạp chí Công tác Tôn giáo.
12. Trung tâm Thông tin.
13. Trường Nghiệp vụ công tác Tôn giáo.
14. Nhà Xuất bản Tôn giáo.

Tại Điều này, các đơn vị quy định từ khoản 1 đến khoản 9 là các đơn vị hành chính giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước; các đơn vị quy định từ khoản 10 đến khoản 14 là các đơn vị sự nghiệp phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Ban Tôn giáo Chính phủ.

Việc thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công khác thuộc Ban Tôn giáo Chính phủ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định.

Biên chế của Ban Tôn giáo Chính phủ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định trong tổng số biên chế của Bộ Nội vụ.

Điều 4. Lãnh đạo Ban

1. Ban Tôn giáo Chính phủ có Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban.
2. Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ là Thứ trưởng Bộ Nội vụ, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nội vụ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Tôn giáo Chính phủ.

Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Ban; quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị, tổ chức trực thuộc Ban; bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý thuộc Ban theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Các Phó Trưởng ban do Bộ trưởng Bộ Nội vụ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban; chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

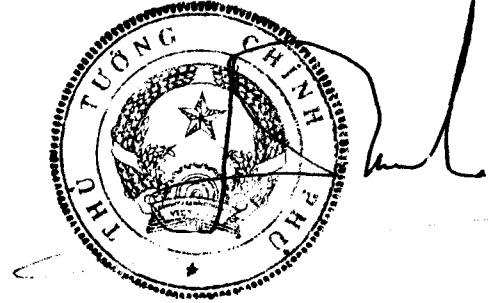
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2009.

2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ban Tôn giáo Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (5b). Trang 290

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng